

## Mục lục

### Table of Contents

<b>Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long</b>	<b>1</b>
<i>Factors affecting to farmer's decision making to participate to the agricultural insurance programs on rice crops in Vietnam's Mekong Delta</i>	
<b>Phan Đình Khôi, Khuu Thị Phương Đông, Đặng Duy Khoa, Nguyễn Thị Ngọc Hoa</b>	
<b>Vai trò trách nhiệm xã hội, định hướng khách hàng và sự trung thành của khách hàng trong lĩnh vực ngân hàng tại tỉnh Tiền Giang</b>	<b>14</b>
<i>The role of corporate social responsibility, customer orientation and customer loyalty in banking sector in Tien Giang province</i>	
<b>Võ Kim Nhuận, Nguyễn Thị Ngọc Phương</b>	
<b>Đánh giá nhận thức của đồng bào Raglay về vai trò công trình hồ thủy lợi Sông Sắt trong hoạt động sản xuất nông nghiệp tại huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận</b>	<b>30</b>
<i>Assessing the awareness of Raglay people on the role of Song Sat irrigation system for agricultural production in Bac Ai district, Ninh Thuan province</i>	
<b>Phạm Trung Hậu, Trương Thị Thanh Vân, Nguyễn Hữu Lộc, Đặng Tường Anh Thư, Nguyễn Thị Trà, Trần Hoài Nam</b>	
<b>Nguồn gốc và ý nghĩa của các khái niệm chỉ lúa ngô, ngô, bắp, bẹ... của các tộc người Việt Nam</b>	<b>40</b>
<i>Origin and meaning of the various concepts of maize of Vietnam's ethnic groups</i>	
<b>Lý Tùng Hiếu</b>	
<b>Về công trình Văn học Việt Nam hiện đại (1945-1960) của Giáo sư Nhà giáo Nhân dân Hoàng Như Mai</b>	<b>49</b>
<i>On "Contemporary Vietnamese Literature (1945-1960)" works by Professor Hoang Nhu Mai</i>	
<b>Nguyễn A Say</b>	
<b>Tiểu thuyết Miền hoang tưởng của Nguyễn Xuân Khánh nhìn từ lý thuyết trò chơi</b>	<b>58</b>
<i>"Mien hoang tuong" novel by Nguyen Xuan Khanh throught the lens of game theory</i>	
<b>Hoàng Thị Hồng An, Phạm Thị Thu Thủy, Bùi Thị Bích Tiệp</b>	

**Nhân vật nhà sư hoàn tục trong tiểu thuyết *Hồ Quý Ly* và *Đội gạo lên chùa* của Nguyễn Xuân Khánh** 67

*The character of the monk who returned the secular life in novel “Ho Quy Ly” and “Doi gao len chua” by Nguyen Xuan Khanh*

**Trần Văn Hải**

**Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết *Hoa Trân của dòng họ* của Nguyễn Thị Diệp Mai** 79

*Artistic conception about human in the novel “Hoa Tran cua dong ho” by Nguyen Thi Diep Mai*

**Bùi Ngọc Luyến**

**Tinh thần sinh thái trong tiểu thuyết *Con đập ngăn Thái Bình Dương* của Marguerite Duras và *Biên sử nước* của Nguyễn Ngọc Tư** 93

*The ecological spirit in Marguerite Duras’ The sea wall and Nguyen Ngoc Tu’s Bien su nuoc*

**Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Lâm Hồng Thắm**

**Cơ sở hình thành biểu tượng tu viện Thélème trong *Gargantua* và *Pantagruel* của Francois Rabelais** 109

*The basis for formation the Abbey Thelema symbol in “Gargantua” and “Pantagruel” by François Rabelais*

**Lê Hữu Nhật Duy, Huỳnh Thị Mai Trinh**

**Tiểu thuyết *Những người đàn bà tắm* của Thiết Ngưng từ góc nhìn phê bình nữ quyền** 120

*Approaching the novel “The bathing women” of Tie Ning from the perspective of feminist criticism*

**Nguyễn Thị Thu Giang**

**Kiến trúc Phật giáo Borobudur và những sáng tạo mới** 134

*Borobudur Buddhist architecture and new creation*

**Trần Thị Huệ**

## Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long

Phan Đình Khôi, Khuru Thị Phương Đông, Đặng Duy Khoa, Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Trường Đại học Cần Thơ

Email: ktpdong@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài: 07/5/2022; Ngày sửa bài: 07/6/2022; Ngày duyệt đăng: 13/6/2022

### Tóm tắt

Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long với bằng chứng thực nghiệm tại hai tỉnh được chọn lựa thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp là An Giang và Đồng Tháp. Số liệu thu thập thông qua phiếu khảo sát 822 nông hộ tại tỉnh An Giang và Đồng Tháp, trong đó có 299 hộ có tham gia bảo hiểm cây lúa, và 523 hộ không có tham gia bảo hiểm cây lúa. Mô hình hồi quy probit được sử dụng để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ trong mẫu nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng giới tính, tuổi, trình độ học vấn, thành viên hộ có tham gia làm việc cho các cơ quan nhà nước, vay vốn, thông tin bảo hiểm, năng suất, hộ trồng lúa thuộc vùng đê bao khép kín có ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông hộ trồng lúa. Trên cơ sở phân tích, một số hàm ý chính sách được đề xuất nhằm triển khai và mở rộng chương trình bảo hiểm cây lúa nói riêng và bảo hiểm nông nghiệp nói chung, từ đó, giúp chia sẻ và bù đắp thiệt hại và góp phần ổn định thu nhập, an sinh xã hội đối với nông hộ.

**Từ khóa:** bảo hiểm cây lúa, đồng bằng sông Cửu Long, mô hình Probit, nông hộ

### Factors affecting to farmer's decision making to participate to the agricultural insurance programs on rice crops in Vietnam's Mekong Delta

#### Abstract

This study aimed to estimate the factors influencing farmer's decision making to participate in the agricultural insurance programs on rice crops in Vietnam's Mekong Delta based on the evidence from An Giang and Dong Thap province, where the pilot programs on agricultural insurance were implemented. Survey data was collected from 822 farmers, which included 299 insured and 523 non-insured rice farmers. Found results of the Probit regression model showed that age, education, involvement of family members in local authorities, credit accessibility, information on agricultural insurance programs, productivity, and production area with a protected dike were the factors affecting the decision to participate in the agricultural insurance programs for rice crops of the farmers. Based on the results of this study, policy implications were discussed to encourage and implement the agricultural insurance programs for rice crops and in the other sectors of agriculture as well in order to protect the farmers by avoiding the damages of risks, increasing their income, and improving the livelihoods.

**Keywords:** agricultural insurance on rice crops, Vietnam's Mekong delta, households, Probit regression model

## 1. Giới thiệu

Nông nghiệp đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế nông thôn Việt Nam vì hơn 2/3 dân số sống ở nông thôn tham gia vào các hoạt động này. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp luôn chịu rủi ro đặc thù do điều kiện thời tiết bất lợi và thiên tai.

Trong sản xuất nông nghiệp, rủi ro làm ảnh hưởng đến nông dân theo những cách khác nhau. Thứ nhất, rủi ro nông nghiệp dẫn đến thiệt hại về thu nhập, của cải cũng như giá trị lao động của nông dân (Hardaker và cộng sự, 2004). Năng suất nông nghiệp thấp do rủi ro cao đồng nghĩa với việc tốc độ tăng thu nhập nông nghiệp giảm cũng như phúc lợi cuộc sống thấp. Do đó, nông dân thường xuyên bị thiếu vốn để mua đầu vào cho tái sản xuất. Thu nhập nông nghiệp thấp và không ổn định cũng ảnh hưởng đến việc trả nợ vay nông nghiệp. Mặc dù, nông dân được phép gia hạn trả nợ vay nông nghiệp trong trường hợp thiên tai, nhưng họ phải trả nợ ngân hàng theo hợp đồng, dẫn đến thiệt hại về tài sản thế chấp của nông dân. Trong một số trường hợp, nông dân không có khả năng trả nợ, họ phải tìm đến các nguồn vốn không chính thức để trả nợ ngân hàng, và khiến họ rơi vào vòng luẩn quẩn của nợ nần. Chính vì điều này, những hộ nông dân thường ngại rủi ro và họ chỉ đầu tư vào những dự án họ biết rõ kết quả. Tuy nhiên, những kết quả này đều có giá trị rất thấp, hay nói cách khác, việc sử dụng tài nguyên là không hiệu quả (Eswaran và Kotwal, 1986).

Bảo hiểm cây trồng được xem là một công cụ hữu hiệu để giảm thiểu rủi ro trong nông nghiệp. Linnerooth-Bayer và Mechler (2006) chỉ ra rằng những hộ nghèo cần được tiếp cận các loại bảo hiểm về hoạt động sản xuất vì họ dễ bị tổn thương bởi các cú sốc, và các tổn thương là nguyên nhân chủ yếu

hình thành vòng luẩn quẩn nghèo đói ở các nước đang phát triển. Bảo hiểm cây trồng bảo vệ người nông dân trước sự biến động của sản lượng do tính chất không chắc chắn của các yếu tố sản xuất nằm ngoài tầm kiểm soát của người nông dân như lũ lụt, hạn hán, mưa lớn và các thảm họa thời tiết khác. Hơn nữa, bảo hiểm cây trồng giảm nhẹ tác động của việc giảm thu nhập của sản xuất nông nghiệp bằng cách xem xét khả năng không chắc chắn của các yếu tố sản xuất ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Cơ chế này giảm thiểu rủi ro trong sản xuất thông qua việc phân tán và chuyển đổi rủi ro từ hộ gia đình cá nhân sang nhà cung cấp bảo hiểm. Nhiều loại bảo hiểm cây trồng dựa trên các chỉ số thời tiết cung cấp một cơ chế đảm bảo rủi ro đối với tổn thất năng suất.

Trong số các hợp đồng bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cây lúa thường được gắn với chính sách phát triển nông nghiệp quốc gia vì sản xuất lúa gạo đóng vai trò quan trọng trong phúc lợi của nông dân cũng như chiến lược an ninh lương thực quốc gia. Với sự nỗ lực mạnh mẽ của Chính phủ nhằm hình thành thị trường bảo hiểm nông nghiệp, một số chương trình đã được thực hiện triển khai thí điểm tại Việt Nam. Cụ thể, năm 2011, Bộ Tài chính bắt đầu triển khai Chương trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu của chương trình là cung cấp bảo hiểm nông nghiệp cho cây trồng và vật nuôi. Tuy nhiên, các chương trình này đã thất bại sau thời gian thí điểm. Tính đến thời điểm thực hiện nghiên cứu này, chưa có thị trường bảo hiểm nông nghiệp chính thức nào được hình thành ở Việt Nam (Phan Đình Khôi và cộng sự, 2017). Do không có thị trường bảo hiểm cho cây lúa, nông dân thường xuyên bị thiệt hại do thiên tai trong khi ngân sách nhà

nước khan hiếm hỗ trợ cho một số lượng lớn nông dân bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, chính sách bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam cần có tầm nhìn dài hạn hơn.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long với bằng chứng thực nghiệm tại An Giang và Đồng Tháp, là hai tỉnh được lựa chọn thí điểm trong chương trình bảo hiểm nông nghiệp của Chính phủ. Kết quả nghiên cứu này được kỳ vọng sẽ là cơ sở khoa học quan trọng nhằm giúp cho các nhà quản lý chính sách có những giải pháp mở rộng sản phẩm bảo hiểm cây lúa nhằm giúp nông hộ có phương án chủ động phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại khi những điều kiện bất lợi của thời tiết đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp được tổng hợp từ các số

liệu báo cáo năm 2019 và năm 2020 của các cơ quan Nhà nước của hai tỉnh Đồng Tháp và An Giang, bao gồm Cục thống kê Tỉnh, các Sở và Ủy ban có số liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu về hoạt động sản xuất kinh doanh và nông nghiệp trên địa bàn hai tỉnh.

Số liệu sơ cấp trong nghiên cứu được thu thập qua hình thức phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi khảo sát các hộ trồng lúa tại tỉnh Đồng Tháp và An Giang. Nội dung khảo sát gồm có các mục chính như thông tin của chủ hộ, thông tin về hoạt động sản xuất của hộ, các thông tin về việc tham gia bảo hiểm cây lúa và cuối cùng là khảo sát sự hiểu biết và sẵn lòng tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên theo cụm được áp dụng trong nghiên cứu này. Cỡ mẫu được chọn là 822 hộ trồng lúa bao gồm các hộ có tham gia và không tham gia chương trình thí điểm bảo hiểm cây lúa ở hai địa phương là tỉnh Đồng Tháp và An Giang. Bảng 1 trình bày địa bàn và số hộ trong mẫu điều tra, cụ thể như sau:

**Bảng 1.** Mẫu điều tra nông hộ trồng lúa có tham gia và không tham gia bảo hiểm cây lúa tại tỉnh An Giang và Đồng Tháp

Địa phương	Số hộ tham gia bảo hiểm (hộ)	Số hộ không tham gia bảo hiểm (hộ)	Tổng mẫu nghiên cứu
An Giang	118	249	367
Đồng Tháp	181	269	450
Tổng cộng	299	523	822

### 2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Mô hình hồi quy Probit được sử dụng để ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm của nông hộ trồng lúa. Mô hình cơ bản có dạng như sau:

$$P_i = \Pr(Y_i = 1|X) = \beta_0 + \beta_i X'_i + \varepsilon_i$$

Trong đó, Y nhận trị số 1 nếu hộ quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa, và nhận trị số 0 cho trường hợp hộ không tham gia bảo

hiểm cây lúa. Như vậy,  $\Pr(Y_i = 1|X)$  đo lường xác suất để nông hộ  $i$  quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa với giả định hạng nhiễu có phân phối chuẩn và có thể tính toán được từ hàm phân phối chuẩn tích lũy.  $X'_i$  ( $i = 1, n$ ) là giá trị cụ thể của X, đại diện cho các biến độc lập được đưa vào mô hình nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm

cây lúa của nông hộ được tổng hợp dựa trên các nghiên cứu thực nghiệm trong và ngoài nước.  $\beta_0$  là hệ số chặn của mô hình,  $\beta_i$  là hệ số tương quan của biến độc lập  $X'_i$

được đưa vào mô hình ở mức ý nghĩa thống kê tối đa 10%. Chi tiết các biến độc lập được đưa vào mô hình được trình bày trong Bảng 2.

**Bảng 2.** Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long

Tên biến	Ký hiệu	Định nghĩa	Kỳ vọng dấu
Tham gia bảo hiểm cây lúa	Y	Y = 1 có tham gia bảo hiểm cây lúa Y = 0 không tham gia bảo hiểm cây lúa	
Giới tính	X <sub>1</sub>	X <sub>1</sub> = 1, đối với nam; X <sub>1</sub> = 0, đối với nữ	+
Tuổi	X <sub>2</sub>	Số tuổi của chủ hộ tính đến thời điểm nghiên cứu	-
Kinh nghiệm	X <sub>3</sub>	Số năm trồng lúa của chủ hộ	-
Trình độ học vấn	X <sub>4</sub>	Trình độ học vấn của chủ hộ tính bằng số năm đến trường, với: X <sub>4</sub> = 0, đối với trường hợp mù chữ X <sub>4</sub> = [1,12], đối với trình độ phổ thông; X <sub>4</sub> = 14, đối với trình độ trung cấp; X <sub>4</sub> = 16, đối với trình độ đại học; X <sub>4</sub> = 18, đối với trình độ sau đại học	+
Thông tin bảo hiểm	X <sub>5</sub>	X <sub>10</sub> = 1, hộ đã biết được thông tin bảo hiểm; X <sub>10</sub> = 0, hộ chưa biết thông tin bảo hiểm	+
Số thành viên gia đình	X <sub>6</sub>	Số thành viên trong gia đình (người/hộ)	-
Làm nhà nước	X <sub>7</sub>	X <sub>7</sub> = 1 có làm việc trong cơ quan nhà nước X <sub>7</sub> = 0 không làm việc cho cơ quan nhà nước	+
Vay vốn	X <sub>8</sub>	X <sub>8</sub> = 1 nếu hộ có vay vốn chính thức và phi chính thức phục vụ hoạt động sản xuất lúa; X <sub>8</sub> = 0, trường hợp khác	-
Tiết kiệm	X <sub>9</sub>	X <sub>9</sub> = 1 nếu hộ có khoản tiết kiệm phòng ngừa rủi ro sản xuất; X <sub>9</sub> = 0, nếu hộ không có khoản tiết kiệm	-
Đê bao	X <sub>10</sub>	X <sub>1</sub> = 1 vùng trồng lúa có đê bao X <sub>1</sub> = 0 vùng trồng lúa không có đê bao	+
Năng suất	X <sub>11</sub>	Năng suất trồng lúa bình quân (kg/1.000m <sup>2</sup> )	-
Chi phí sản xuất	X <sub>12</sub>	Số tiền chi cho hoạt động trồng lúa (đồng/1.000m <sup>2</sup> )	+
Giá trung bình	X <sub>13</sub>	Giá bán lúa trung bình (đồng/kg lúa)	-

Như được trình bày ở Bảng 2, các yếu tố nhân khẩu học, bao gồm tuổi, giới tính, kinh nghiệm, học vấn, số thành viên trong gia đình được đưa vào mô hình nhằm ước lượng ảnh hưởng của nhóm yếu tố này đến quyết định sản xuất của hộ, cụ thể như quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa trong nghiên cứu này (Frey and Stutzer, 2002). Trong đó, tuổi và kinh nghiệm được kỳ vọng có tương quan âm với quyết định tham gia bảo hiểm của nông hộ. Điều này được lý giải là chủ hộ có tuổi càng cao thì được kỳ vọng là càng có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất lúa hơn so với các hộ khác, và có thể ứng phó với các rủi ro do điều kiện tự nhiên mang lại trong quá trình sản xuất lúa bằng chính các kinh nghiệm được đúc kết từ bản thân họ. Chính vì điều này, xác suất để họ đưa ra quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa sẽ giảm (Nguyễn Tuấn Kiệt và Lê Tấn Phát, 2019). Ngược lại, trình độ học vấn của chủ hộ càng cao và nông hộ có chủ hộ là nam được kỳ vọng sẽ có xác suất tham gia bảo hiểm cây lúa cao hơn nhóm nông hộ có chủ hộ là nữ. Nguyễn Phương Lê và Nguyễn Mậu Dũng (2011) đã chỉ ra rằng yếu tố giới có liên quan mật thiết đến khả năng tiếp cận về thông tin và giáo dục tại vùng nông thôn. Điều này được giải thích là do tại các vùng nông thôn của Việt Nam, nam giới vẫn giữ vai trò là chủ gia đình, và tham gia vào các hoạt động xã hội nhiều hơn nữ giới. Từ đó, khả năng tiếp cận các thông tin và hiểu biết về bảo hiểm cây lúa của nam giới có thể sẽ cao hơn nữ giới, và vì vậy, xác suất để họ đưa ra quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa sẽ cao hơn.

Bên cạnh đó, hộ có thành viên tham gia vào chính quyền địa phương cũng được kỳ vọng có xác suất tham gia bảo hiểm cây

lúa cao hơn. Lý giải cho điều này, Haneishi và cộng sự (2014) đã chỉ ra rằng, những nông hộ có thành viên tham gia vào chính quyền địa phương có được nhiều thông tin và khả năng nhận thức được rủi ro cao hơn so với nhóm các nông hộ khác, từ đó có nhu cầu tham gia bảo hiểm cây lúa cao hơn. Vì vậy, nhóm yếu tố về khả năng tiếp cận thông tin, bao gồm gia đình có thành viên làm nhà nước, và thông tin về bảo hiểm được kỳ vọng có tương quan thuận với quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ.

Các chỉ số liên quan đến hiệu quả tài chính, bao gồm giá bán lúa nhận được từ người mua, chi phí sản xuất, và năng suất cũng được đưa vào mô hình và được kỳ vọng là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của nông hộ đối với hoạt động sản xuất của họ (Hasan 2007). McIntosh và cộng sự (2013) đã chỉ ra rằng, những hộ có tỷ suất sinh lời từ hoạt động sản xuất nông nghiệp càng lớn sẽ ít quan tâm và ít có nhu cầu đối với bảo hiểm hơn. Do vậy, trong nghiên cứu này, nông hộ được kỳ vọng sẽ tham gia bảo hiểm cây lúa khi họ đối diện về những rủi ro về tài chính như rủi ro về giá, năng suất, hay chi phí sản xuất tăng. Bên cạnh đó, nông hộ sản xuất thuộc vùng trồng lúa có đê bao cũng được kỳ vọng có xác suất tham gia bảo hiểm cây lúa cao hơn bởi lẽ việc lập đê bao trong vùng sản xuất được xem như là một phương án chủ động phòng ngừa rủi ro của nông hộ thuộc vùng sản xuất đó. Nói cách khác, nông hộ sản xuất trong vùng có đê bao được kỳ vọng là có nhận thức được rủi ro từ điều kiện tự nhiên cao hơn, và điều này tác động làm tăng nhu cầu tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ.

Ngoài ra, các nhóm yếu tố đại diện cho nguồn lực tài chính của nông hộ như thu

nhập, tình trạng sở hữu đất và khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng của nông dân ảnh hưởng đáng kể đến quyết định tham gia bảo hiểm của nông hộ (Ullah và cộng sự, 2015). Những nông dân có đủ điều kiện để đảm bảo nguồn lực tài chính, có thể, sẽ ưu tiên đầu tư cho hoạt động sản xuất và mở rộng thêm quy mô khi cần thiết để hướng đến tối đa hóa lợi nhuận và thường không quan tâm đến các rủi ro cũng như không quan tâm đến việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp (Antle, 1989).

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Trình độ học vấn của hai nhóm hộ tham gia và không tham gia bảo hiểm cây lúa trong mẫu điều tra cho thấy không có sự khác biệt nhiều về trình độ giữa các cấp học giữa hai nhóm hộ. Nhìn chung, trình độ học vấn của chủ hộ trong mẫu khảo sát đa số ở cấp tiểu học. Trong đó, nhóm hộ không tham gia trình độ tiểu học chiếm khoảng 44% tương ứng 227 hộ trong 523 hộ không tham gia bảo hiểm cây lúa (Bảng 3).

**Bảng 3.** Trình độ học vấn giữa nhóm tham gia và không tham gia bảo hiểm lúa

Trình độ	Không tham gia bảo hiểm cây lúa		Tham gia Bảo hiểm cây lúa		Tổng hai nhóm hộ	
	Số quan sát	Tỷ lệ (%)	Số quan sát	Tỷ lệ (%)	Số quan sát	Tỷ lệ (%)
Mù chữ	23	4,4	5	1,67	28	3,41
Tiểu học	227	43,4	145	48,5	372	45,26
Trung học cơ sở	205	39,2	111	37,12	316	38,44
Trung học phổ thông	60	11,47	34	11,37	94	11,43
Trình độ khác <sup>1</sup>	8	1,53	4	1,34	12	1,46
Tổng	523	100	299	100	822	100

Đối với nhóm hộ tham gia, tỷ lệ này cũng chiếm gần 49% trong tổng số 299 hộ tham gia bảo hiểm, tương ứng 145 hộ. Kể đến là trình độ cấp trung học cũng chiếm tỷ lệ khá cao giữa hai nhóm hộ, nhóm không tham gia trình độ cấp trung học chiếm trên 39%, nhóm tham gia chiếm 37,12%. Trong khi đó, trình độ cấp phổ thông và trên phổ

thông chiếm tỷ lệ rất thấp. Cụ thể, đối với nhóm hộ không tham có tám người có trình độ trên phổ thông chiếm tỷ lệ gần 2%, nhóm tham gia có bốn người có trình độ trên phổ thông chiếm tỷ lệ trên 1%. Trình độ học vấn phản ánh nhận thức và sự hiểu biết của hộ, cho nên có thể sẽ ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa.

<sup>1</sup> Ghi chú: Mục “Khác” trong Bảng 4 đại diện cho nhóm chủ hộ tham gia phỏng vấn có tiếp tục theo học tại các trường trung cấp, cao đẳng và đại học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.



**Bảng 4.** Đặc điểm tiếp cận với thông tin bảo hiểm lúa của nông hộ

Tiếp cận với thông tin bảo hiểm cây lúa	Không tham gia bảo hiểm cây lúa		Tham gia bảo hiểm cây lúa		Tổng hai nhóm hộ	
	Số quan sát	Tỷ lệ (%)	Số quan sát	Tỷ lệ (%)	Số quan sát	Tỷ lệ (%)
	Biết thông tin	307	58,7	259	86,62	566
Không biết thông tin	216	41,3	40	13,38	256	31,14
Tổng	523	100	299	100	822	100

Việc tiếp cận với thông tin sẽ giúp nông dân hiểu về bảo hiểm lúa từ đó quyết định có tham gia hay không, theo thống kê cho thấy trên 68% hộ có biết thông tin về bảo hiểm lúa, tương ứng với 566 hộ trong cơ cấu số liệu điều tra (Bảng 4). Tỷ lệ hộ điều tra trong mẫu không biết thông tin về bảo hiểm lúa chiếm tỷ lệ rất thấp, khoảng 31% tương ứng với 256 hộ. Đối với từng nhóm hộ, tỷ lệ hộ nông dân biết thông tin về bảo hiểm lúa chiếm tỷ lệ cao, nhóm không tham gia chiếm 58,7% và nhóm hộ tham gia là 86,62%. Điều này hợp lý với mục tiêu của đề tài đặt ra, đối tượng được phỏng vấn sẽ đa số là những hộ biết thông tin về bảo hiểm lúa, như vậy mới khách quan trong việc xem xét ảnh hưởng đến quyết định tham gia của nông hộ. Có một điều đáng lưu ý là có khoảng 13% nông hộ trong mẫu nghiên cứu, mặc dù không biết

thông tin về bảo hiểm cây lúa vẫn có tham gia bảo hiểm. Kết quả này được lý giải là do những hộ này thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, do đó, họ thuộc đối tượng được hỗ trợ phí khi tham gia bảo hiểm cây lúa. Chính quyền địa phương khi lập danh sách những hộ tham gia bảo hiểm thì bao gồm luôn tên của những hộ này. Tuy nhiên, những hộ này không có và không biết thông tin về các chương trình bảo hiểm cây lúa (thông tin từ khảo sát thực tế tại địa phương của nhóm nghiên cứu).

Bảng 5 trình bày một số chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất của hộ tham gia và không tham gia bảo hiểm cây lúa, bao gồm các chỉ tiêu cơ bản về năng suất, giá bán, doanh thu, chi phí, thu nhập và lợi nhuận. Nhìn chung, không có sự khác biệt lớn giữa các chỉ tiêu của hai nhóm hộ này.

**Bảng 5.** Kết quả sản xuất lúa của nông hộ tại tỉnh An Giang và Đồng Tháp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Có tham gia bảo hiểm	Không tham gia bảo hiểm
Năng suất bình quân	Kg/1.000m <sup>2</sup>	612,23	679,38
Giá bán bình quân	1.000 đồng/kg	4,73	4,73
Doanh thu bình quân	Triệu đồng/1.000m <sup>2</sup>	3,06	3,18
Tổng chi phí <sup>(*)</sup>	Triệu đồng/1.000m <sup>2</sup>	2,44	2,38
Thu nhập <sup>(*)</sup>	Triệu đồng/1.000m <sup>2</sup>	1,42	1,48
Công lao động	Triệu đồng/1.000m <sup>2</sup>	0,55	0,57
Lợi nhuận	Triệu đồng/1.000m <sup>2</sup>	0,62	0,8

Ghi chú: (\*) Công lao động gia đình chưa tính vào tổng chi phí và thu nhập

Cụ thể, nhóm hộ không tham gia có tổng chi phí và công lao động nhà cao hơn nhóm hộ tham gia bảo hiểm cây lúa, trong trường hợp không tham gia bảo hiểm cây lúa, hộ nông dân đầu tư chi phí và công lao động nhà nhiều hơn để duy trì mức năng suất cao và ổn định. Việc các hộ không tham gia bảo hiểm cây lúa chú trọng đầu tư vào các khoản chi phí đã làm gia tăng chi phí trong quá trình sản xuất, nhưng bên cạnh đó kéo theo năng suất tăng, thu nhập tăng và lợi nhuận cũng tăng so với hộ tham gia. Những điều này dẫn đến sự khác biệt về mặt doanh thu, lợi nhuận giữa nhóm hộ tham gia và không tham gia, nhưng nhìn chung sự khác biệt này không đáng kể.

### 3.2. Những nguyên nhân dẫn đến hộ tham gia và không tham gia bảo hiểm cây lúa

Lý do tham gia bảo hiểm cây lúa của các nông hộ được thống kê ở Bảng 6. Qua đó cho thấy lý do chủ yếu tác động đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của các nông hộ ở đây là giảm thiệt hại khi có rủi ro xảy ra, khi nhận được khuyến cáo của chính quyền địa phương và được hỗ trợ chi

phí khi tham gia.

Trong 299 hộ khảo sát thì có 22 ý kiến cho rằng lý do hộ tham gia bảo hiểm cây lúa là đáp ứng được điều kiện vay vốn (chiếm 7,4%) và cũng có 225 chủ hộ cho rằng hộ tham gia bảo hiểm cây lúa là vì khuyến cáo của chính quyền địa phương đưa ra (chiếm 75,3%). Cũng trong số 229 mẫu khảo sát đó thì có 202 lượt bình chọn lý do tham gia bảo hiểm cây lúa là vì giảm thiệt hại khi có rủi ro (chiếm 67,6%), bên cạnh đó, được hỗ trợ chi phí tham gia bảo hiểm cây lúa được 151 lượt đồng ý (chiếm 50,5%). Cuối cùng là, có 28 lượt chọn lý do giảm chi phí đầu vào để tham gia bảo hiểm cây lúa (chiếm 9,4%) và 54 lượt chọn cho lý do được tập huấn kỹ thuật để tham gia bảo hiểm cây lúa (chiếm 18,1%). Dựa trên kết quả khảo sát thực tế, việc tham gia bảo hiểm cây lúa của các nông hộ trong mẫu nghiên cứu một phần được tác động bởi cán bộ, chính quyền địa phương trên địa bàn. Mặt khác, một phần là do các nông hộ ở đây muốn bảo đảm cho nguồn thu nhập chính của mình và chọn biện pháp phòng ngừa rủi ro bằng cách tham gia bảo hiểm cây lúa.

**Bảng 6.** Lý do tham gia bảo hiểm cây lúa của các nông hộ

Lý do	Tần số	Tỷ lệ (%)
Đáp ứng được điều kiện vay vốn	22	7,4
Khuyến cáo của chính quyền địa phương	225	75,3
Giảm thiệt hại khi có rủi ro	202	67,6
Được hỗ trợ chi phí tham gia	151	50,5
Giảm chi phí đầu vào	28	9,4
Được tập huấn kỹ thuật	54	18,1

Ngược lại, 523 hộ không tham gia bảo hiểm trong mẫu nghiên cứu trả lời lý do lớn nhất làm cho họ không tham gia bảo hiểm cây lúa là không biết thông tin, kể đến là các lý do thủ tục tham gia phức tạp và các chủ

hộ có thể tự khắc phục được sự cố (Bảng 7). Trong số các lý do thì không biết thông tin bảo hiểm cây lúa được 205 đáp viên trả lời là có trong tổng số 523 đáp viên (chiếm 39,2%). Theo đó, có 72 ý kiến cho rằng phí bảo

hiểm khá cao nên không tham gia bảo hiểm cây lúa (chiếm 13,8%), và cũng trong 523 lượt ý kiến có 137 lượt cho rằng không tham gia bảo hiểm cây lúa là vì thủ tục tham gia phức tạp (chiếm 26,2%). Có 20 người cho rằng sản xuất của họ nhỏ lẻ cho nên không

tham gia bảo hiểm cây lúa (chiếm 3,8%) và cuối cùng là có 31 lượt đưa ra lý do là không muốn bị áp đặt nên không tham gia bảo hiểm cây lúa (chiếm 5,9%) cùng với 160 lượt ý kiến cho rằng họ tự khắc phục được sự cố khi có rủi ro xảy ra (chiếm 30,6%).

**Bảng 7.** Lý do không tham gia bảo hiểm cây lúa của các nông hộ

Lý do	Tần số	Tỷ lệ (%)
Không biết thông tin về bảo hiểm cây lúa	205	39,2
Phí bảo hiểm khá cao	72	13,8
Thủ tục tham gia phức tạp	137	26,2
Sản xuất nhỏ lẻ	20	3,8
Không muốn bị áp đặt	31	5,9
Tự khắc phục được sự cố	160	30,6

Lý do không tham gia bảo hiểm cây lúa được nêu ở Bảng 7. Qua khảo sát thực tế tại địa bàn còn phát sinh thêm một số lý do khiến người dân ở đây không tham gia bảo hiểm cây lúa đó là những hạn chế của bên cung cấp dịch vụ, công ty bảo hiểm Bảo Minh, Bảo Việt. Cũng có một số ý kiến cho rằng họ không tham gia bảo hiểm cây lúa là vì các công ty bảo hiểm chỉ bán bảo hiểm cho các nông hộ có diện tích đất canh tác nằm trong khu vực đê bao, ngoài khu vực đê bao thì công ty bảo hiểm không bán bảo hiểm.

### 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Kết quả ước lượng từ mô hình Probit cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê ở mức 1%; nghĩa là hệ số tương quan của các biến giải thích có thể được sử dụng để giải thích quyết định tham gia bảo hiểm của hộ trồng lúa ở mức ý nghĩa 1% (Bảng 8). Giá trị Log likelihood của mô hình bằng -445,01 và mức độ dự báo chính xác của mô hình là 69,1%. Kết quả ước lượng các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm

cây lúa của hộ trồng lúa bằng mô hình Probit được trình bày ở Bảng 8. Sự tác động của các biến độc lập đến quyết định tham gia bảo hiểm được giải thích như sau:

Kết quả của mô hình cho thấy biến đê bao có mối tương quan thuận chiều đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ ở mức ý nghĩa 1%. Hệ số tác động biên 0,135 có nghĩa là hộ sản xuất lúa trong vùng có đê bao thì khả năng của hộ tham gia bảo hiểm sẽ tăng 0,135 (hay 13,5 điểm phần trăm), khi các yếu tố khác không đổi. Do tác dụng chủ yếu của đê bao là ngăn lũ, tạo điều kiện cho các hộ nông dân sản xuất lúa vụ 3. Tuy nhiên, lợi ích của việc gia tăng sản xuất cũng đi kèm với nguy cơ dịch bệnh và khả năng vỡ đê có thể xảy ra bất cứ lúc nào làm cho xu hướng tham gia bảo hiểm của người dân tăng lên.

Kết quả ước lượng hồi quy cho thấy biến tuổi của chủ hộ có mối tương quan ngược chiều với quyết định tham gia bảo hiểm của chủ hộ. Hệ số tác động biên cho thấy rằng khi tuổi chủ hộ tăng lên 1 năm thì xác suất tham gia bảo hiểm sẽ giảm 0,7

điểm phần trăm trong điều kiện các yếu tố khác không đổi với mức ý nghĩa 1%. Do chủ hộ càng lớn tuổi thì càng có nhiều kinh nghiệm sản xuất nên họ tự tin có thể ngăn ngừa, giải quyết các loại rủi ro thường gặp

trong quá trình sản xuất, chưa kể đến việc chủ hộ có mối quan hệ kinh doanh lâu dài với thương lái góp phần ổn định nguồn thu nhập nên việc thuyết phục họ tham gia bảo hiểm sẽ vô cùng khó khăn.

**Bảng 8.** Kết quả ước lượng các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ

Tên biến	Diễn giải	Hệ số tương quan	Hiệu ứng biên	Sai số chuẩn
X <sub>1</sub>	Giới tính	-0,487*	-0,186	0,202
X <sub>2</sub>	Tuổi	-0,02**	-0,007	0,007
X <sub>3</sub>	Kinh nghiệm	-0,006	-0,002	0,007
X <sub>4</sub>	Trình độ học vấn	-0,05**	-0,018	0,017
X <sub>5</sub>	Thông tin bảo hiểm	1,403**	0,41	0,144
X <sub>6</sub>	Số thành viên gia đình	0,027	0,009	0,038
X <sub>7</sub>	Làm nhà nước	0,567**	0,215	0,139
X <sub>8</sub>	Vay vốn	-0,394**	-0,139	0,111
X <sub>9</sub>	Tiết kiệm	-0,063	-0,022	0,106
X <sub>10</sub>	Đê bao	0,411**	0,135	0,144
X <sub>11</sub>	Năng suất	-0,002**	-0,0006	0,0002
X <sub>12</sub>	Chi phí sản xuất	-0,0001	-0,0001	-0,0001
X <sub>13</sub>	Giá bán	-0,0009	-0,00003	0,0001
<i>Hệ số chặn (<math>\beta_0</math>)</i>		1,72		0,739
Số quan sát				822
Giá trị Log likelihood				-445,014
Prob > chi <sup>2</sup>				0,000
Pseudo R <sup>2</sup>				0,1742
Xác suất dự báo đúng				69,1%

Ghi chú: \*, \*\* là mức ý nghĩa tương ứng với 5% và 1%

Trình độ học vấn của chủ hộ có tương quan ngược chiều với quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa ở mức ý nghĩa 1% khi các yếu tố khác không đổi. Kết quả này chưa đúng với kỳ vọng ban đầu khi những hộ có học vấn thấp lại có xác suất sẵn lòng tham gia bảo hiểm cao. Điều này có thể được hiểu là do đa số những chủ hộ được khảo sát có trình độ học vấn cấp 1 và cấp 2 (chiếm 83,7%) nên xác suất những hộ tham gia bảo hiểm có học vấn thấp cũng tăng lên. Kết quả này tương đồng với kết quả của Vandever

(2001), Phan Đình Khôi và Phan Lý Ngọc Thảo (2016).

Tiếp theo, thể hiện mối quan hệ của chủ hộ với các cơ quan hành chính của địa phương là biến làm việc nhà nước có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và tương quan thuận chiều với quyết định tham gia bảo hiểm của chủ hộ khi các yếu tố khác không thay đổi. Lợi thế của các hộ có thành viên gia đình làm việc trong cơ quan Nhà nước là việc nắm bắt kịp thời các chính sách của Nhà nước mà cụ thể ở đây là chương trình

thí điểm bảo hiểm cây lúa, thêm vào đó là việc cơ quan vận động các cán bộ địa phương chủ động tham gia chương trình bảo hiểm cây lúa để làm gương cho người dân cũng là một phần nguyên nhân để giải thích cho kết quả ước lượng này. Kết quả này tương đồng với kết quả trong nghiên cứu của Phan Đình Khôi và Phan Lý Ngọc Thảo (2016).

Kế đến, mối quan hệ tín dụng của chủ hộ được thể hiện qua biến vay vốn có ý nghĩa thống kê ở mức 1% và có mối tương quan ngược chiều đến quyết định tham gia bảo hiểm của chủ hộ khi các yếu tố khác không thay đổi. Việc vay vốn làm tăng chi phí sản xuất của hộ trồng lúa dẫn đến việc e dè của các hộ khi phải chịu thêm một khoản phí bảo hiểm dẫn đến khả năng tham gia bảo hiểm cây lúa của các hộ có khoản vay thấp hơn các hộ không vay vốn.

Yếu tố thông tin bảo hiểm của hộ có mối tương quan thuận chiều với sự sẵn lòng tham gia bảo hiểm với mức ý nghĩa 1% khi các yếu tố khác không đổi. Thực tế cho thấy, Chính phủ đã nỗ lực phối hợp với công ty bảo hiểm và các cơ quan ban ngành địa phương để thông tin, tuyên truyền chương trình thí điểm bảo hiểm cây lúa cho người dân, giúp người dân hiểu rõ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cũng như lợi ích khi tham gia chương trình này. Do đó, yếu tố thông tin có ảnh hưởng lớn nhất đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ trong mô hình này. Kết quả này tương đồng với kết quả trong nghiên cứu của Phạm Thị Định (2013), Phan Đình Khôi và Phan Lý Ngọc Thảo (2016).

Kết quả của mô hình cho thấy biến năng suất lúa có mối tương quan ngược chiều đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của hộ ở mức ý nghĩa thống kê 1% trong điều kiện các yếu tố khác không đổi. Do kết

quả bồi thường từ chương trình bảo hiểm dựa trên mức sụt giảm năng suất thực tế của hộ so với năng suất bình quân của xã (năng suất bình quân của 3 vụ tương ứng với trong 3 năm trước của xã). Do đó, nếu năng suất lúa đạt được của hộ thấp hơn mức năng suất bình quân của xã thì khả năng để hộ nhận được tiền bồi thường là khá cao khi tham gia bảo hiểm, tuy nhiên, ảnh hưởng của năng suất lúa đến quyết định tham gia bảo hiểm là không đáng kể. Kết quả này phù hợp với kỳ vọng của tác giả.

Cuối cùng, ước lượng của mô hình hồi quy cho thấy biến giới tính có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và có mối tương quan ngược chiều với quyết định tham gia bảo hiểm. Hiệu ứng biên là -0,186 cho thấy nếu chủ hộ là nữ thì xác suất tham gia bảo hiểm sẽ tăng lên 18,6 điểm phần trăm. Kết quả này đi ngược lại với kỳ vọng ban đầu khi kỳ vọng nếu chủ hộ là nam thì xác suất tham gia bảo hiểm sẽ cao hơn các chủ hộ nữ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy có 27 chủ hộ trong tổng số 62 chủ hộ có giới tính nữ tham gia chương trình bảo hiểm (tương đương 43,55%) và con số này ở nam giới là 272/760 hộ (tương đương 35,79%) tham gia bảo hiểm. Do vậy, tỷ lệ tham gia bảo hiểm ở nữ giới cao hơn nam giới trong trường hợp này là hợp lý.

#### **4. Kết luận và hàm ý chính sách**

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ tại Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy Probit chỉ ra rằng giới tính, tuổi, trình độ học vấn, thành viên hộ có tham gia làm việc cho các cơ quan nhà nước, vay vốn, thông tin bảo hiểm, năng suất, hộ trồng lúa thuộc vùng đê bao khép kín có ảnh hưởng đến quyết định tham gia bảo hiểm nông nghiệp của nông

hộ trồng lúa. Trong đó, việc có thể tiếp cận thông tin bảo hiểm, thành viên hộ có tham gia làm việc cho các cơ quan nhà nước và nông hộ thuộc vùng có đê bao khép kín sẽ tác động thuận chiều với xác suất quyết định tham gia bảo hiểm cây lúa của nông hộ. Điều này cho thấy nhóm yếu tố về tiếp cận thông tin và nhận thức về rủi ro cũng như các phương án phòng ngừa rủi ro của nông hộ là các yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và triển khai các chương trình bảo hiểm cây lúa. Kết quả này được xem là cơ sở khoa học quan trọng nhằm giúp cơ quan quản lý nhà nước có những chính sách phù hợp để các chương trình bảo hiểm cây lúa nói riêng và chương trình bảo hiểm nông nghiệp được thực thi một cách hiệu quả.

Cụ thể, nhà nước cần có cơ chế, chính sách cụ thể về điều tra, nghiên cứu, phân tích dự báo; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu để minh bạch thông tin của các chương trình bảo hiểm và làm căn cứ cho việc tính phí, triển khai bảo hiểm. Việc làm này nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nông hộ có thể tiếp cận dễ dàng các thông tin về chương trình bảo hiểm cây lúa, cũng như là xây dựng một hệ thống thông tin minh bạch trong hỗ trợ chi phí cho nông dân, doanh nghiệp tham gia bảo hiểm nông nghiệp, xây dựng cơ chế, chính sách tài chính, bù đắp chi phí cho doanh nghiệp triển khai bảo hiểm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nông dân tham gia bảo hiểm.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, việc nhận thức được rủi ro sẽ tăng khả năng tham gia bảo hiểm cây lúa. Tuy nhiên, trong thực tế, việc Chính phủ vẫn thường xuyên thực hiện việc trợ cấp đồng đều cho mọi người dân trong trường hợp xảy ra thiên tai lớn đã làm nảy sinh tư tưởng ỷ lại, điều này có thể làm cho người dân ít quan

tâm hơn đến việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp. Do đó, Chính phủ cần làm tốt vai trò là cầu nối, giám sát mức bồi thường và chuyển trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ nông dân có tham gia bảo hiểm cho doanh nghiệp. Điều này có thể giúp cho người dân nhận thức được lợi ích của việc tham gia bảo hiểm cây lúa và từ đó giúp triển khai các chương trình bảo hiểm cây lúa thuận lợi và hiệu quả hơn.

#### Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu thái độ đối với rủi ro và cơ chế chia sẻ rủi ro trong bảo hiểm cây lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long”. Mã số đề tài B2020-TCT-06, Cơ quan chủ quản: Trường Đại học Cần Thơ.

#### Tài liệu tham khảo

- Antle, J.M. (1989). Non-Structural Risk Attitude Estimation. *American Journal of Agricultural Economy*, 71(3): 774-784. <https://doi.org/10.2307/1242033>
- Eswaran, M., and Kotwal. A. (1986). Access to Capital and Agrarian Production Organisation. *Economic Journal*, 96(382): 482-498. <http://www.jstor.org/stable/2233128>
- Frey, B.S., and Stutzer. A. (2002). What can economists learn from happiness research? *Journal of Economic Literature*, 40(2): 402-435. DOI: 10.1257/002205102320161320
- Haneishi, Y., Atsushi, M., Michiko, T., and Masao, K. (2014). F Haneishi, Y., Maruyama, A., Takagaki, M. and Kikuchi, M. (2014). Farmers' risk attitudes to influence the productivity and planting decision: A case of rice and maize cultivation in rural Uganda. *African Journal of Agricultural and Resource Economics*, 9(4): 309-322.

- DOI: 10.22004/ag.econ.197018  
Hardaker, J.B., Richardson, J.W., Lien, G., and Schumann, K.D. (2004). Stochastic efficiency analysis with risk aversion bounds: a simplified approach. *The Australian Journal of Agricultural and Resource Economics*, 48(2): 253-270. <https://doi.org/10.1111/j.1467-8489.2004.00239.x>
- Hasan, M.R. (ed.) (2007). *Economics of aquaculture feeding practices in selected Asian countries*. FAO Fisheries Technical Paper No. 505. <http://www.fao.org/3/a1456e/a1456e00.htm>. Truy cập ngày 12/11/2021.
- Linnerooth-Bayer, J. and Mechler, R. (2006). Insurance for assisting adaptation to climate change in developing countries: a proposed strategy. *Climate Policy*, 6(6): 621-636. DOI: 10.1080/14693062.2006.9685628.
- McIntosh, C., Sarris, A., and Papadopoulos, F. (2013). Productivity, Credit, risk, and the demand for weather index insurance in smallholder agriculture in Ethiopia. *Agricultural Economics*, 44: 399-417. <https://doi.org/10.1111/agec.12024>
- Nguyễn Phương Lê và Nguyễn Mậu Dũng (2011). Khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của hộ nông dân ngoại thành Hà Nội: nghiên cứu điển hình tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ. *Tạp chí Khoa học và Phát triển Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội*, 9(5): 844-852.
- Nguyễn Tuấn Kiệt và Lê Tấn Phát (2019), Ứng phó của nông dân đối với rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55: 135-147.
- Phạm Thị Định (2013). Tình hình thực hiện Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam theo Quyết định số 315/QĐ-TTg và một số ý kiến đề xuất. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 193: 54-57.
- Phan Đình Khôi, Khưu Thị Phương Đông, Đoàn Thị Cẩm Vân, Nguyễn Thị Lương, Nguyễn Văn Ngân, Trần Thị Hạnh Phúc và Hoàng Triệu Huy (2017). *Giải pháp phát triển bảo hiểm cây lúa phục vụ hộ trồng lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2014. Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Cần Thơ.
- Phan Đình Khôi và Phan Lý Ngọc Thảo (2016). Tác động của chương trình thí điểm bảo hiểm nuôi tôm đến thu nhập của hộ nuôi tôm ở Bạc Liêu. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 223: 80-89.
- Ullah, R., Shivakoti, G.P., and Ali, G. (2015). Factors effecting farmers' risk attitude and risk perceptions: The case of Khyber Pakhtunkhwa, Pakistan. *International Journal of Disaster Risk Reduction*, 13: 151-157. <https://doi.org/10.1016/j.ijdrr.2015.05.005>
- Vandever, M.L. (2001). Demand for area crop insurance among litchi producers in northern Vietnam. *Agricultural Economics*, 26(2): 173-184. [https://doi.org/10.1016/S0169-5150\(00\)00108-0](https://doi.org/10.1016/S0169-5150(00)00108-0)